

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG THCS TÂN VIÊN

THÔNG BÁO

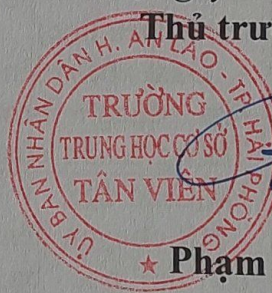
**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
cuối năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS thuộc địa bàn xã Tân Viên. - Đủ 11 tuổi (sinh năm 2012, có giấy khai sinh hợp lệ, hoàn thành hương trình Tiểu học). - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 58 của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường.	- HS thuộc địa bàn xã Tân Viên, 1 số xã khác lân cận. - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 58 của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường	- HS thuộc địa bàn xã Tân Viên, 1 số xã khác lân cận. - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 58 của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường	- HS thuộc địa bàn xã Tân Viên, 1 số xã khác lân cận. - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư 58 của Bộ Giáo dục. - HS chuyển đến có đủ học bạ, giấy khai sinh hợp lệ, giấy chuyển trường.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình hiện hành theo quy định của BộGD&ĐT. - Thời gian học 37 tuần, 1 tuần nghỉ tết, 1 tuần kết thúc năm học. - Kiến thức kỹ năng đúng quy định chuẩn của BGDĐT. - Môn học đối với lớp 6,7,8: 10 môn; lớp 9: 13 môn - Chương trình đào tạo nhằm phát triển toàn diện, và kỹ năng sống.			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường và phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ trong việc theo dõi, giáo dục học sinh. Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT. Ban đại diện học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường có 5 thành viên, ban đại diện lớp có 3 thành viên. - Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động đúng điều lệ, kế hoạch do Hội đồng Đội các cấp và kế hoạch nhà trường. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh	- Cơ sở vật chất đủ đảm bảo cho tất cả các môn giảng dạy. - Thiết bị dạy học: Đủ các thiết bị tối thiểu theo quy định Bộ GDĐT. - Có 01 phòng tin học với 20 máy tính, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của			

	hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	HS. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bàn ghế, bảng chống lóa, ánh sáng, quạt thoáng mát.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Học sinh có hạnh kiểm khá, tốt: 91% trở lên - Học sinh có học lực giỏi: từ 29% -31%, học lực khá từ 42% trở lên, yếu dưới 1%, không có học sinh xếp loại kém. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, tiêm phòng đúng định kỳ; không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Đạt từ 99% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số 97%	- Đạt từ 99% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số 97%	- Đạt từ 99% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số 97%	- 100% được công nhận TN THCS. - Duy trì sĩ số 97%

Tân Viên, ngày 31 tháng 05 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



★ Phạm Văn Hải

Biểu mẫu 10

**UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG THCS TÂN VIÊN**

THÔNG BÁO

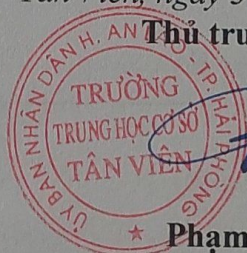
**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường
trung học phổ thông, cuối năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	708	198	212	138	160
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	667 94.21%	193 97.47%	202 95.28%	119 86.23%	153 95.63%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	38 5.37%	5 2.53%	10 4.72%	16 11.59%	7 4.37%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.14%			1 0.72%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.28%			2 1.46%	
II	Số học sinh chia theo học lực	708	198	212	138	160
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	230 32.49%	68 34.34%	67 31.6%	40 28.99%	55 34.38%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	300 42.37%	84 42.42%	89 41.98%	57 41.3%	70 43.75%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	175 24.72%	46 23.23%	56 26.42%	38 27.54%	35 21.88%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.42%			3 2.17%	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)					
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					

b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					31
1	Cấp huyện					30
2	Cấp tỉnh/thành phố					1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					160
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					55 34.38%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					70 43.75%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					35 21.87%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	113/85	118/94	78/60	78/61	80/80
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số					

Tân Viên, ngày 31 tháng 05 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Văn Hải

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG THCS TÂN VIÊN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, cuối năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	10	1.6 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	10	1.6 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	4	0.48 m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	39	1.3 m ² /học sinh
III	Số điểm trường	1	1
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	7145 m ²	15.8 m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	6467 m ²	14.3 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	650 m ²	1.44 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	216 m ²	0.47 m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	48 m ²	0.11 m ² /học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	60 m ²	0.13 m ² /học sinh
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	4 bộ/ 15 lớp
1.1	Khối lớp 6	1	1 bộ/ 4 lớp
1.2	Khối lớp 7	1	1 bộ/ 4 lớp



1.3	Khối lớp 8	1	1 bộ/ 3 lớp			
1.4	Khối lớp 9	1	1 bộ/ 4 lớp			
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định					
2.1	Khối lớp 6	1	1 bộ/ 4 lớp			
2.2	Khối lớp 7	1	1 bộ/ 4 lớp			
2.3	Khối lớp 8	1	1 bộ/ 3 lớp			
2.4	Khối lớp 9	1	1 bộ/ 4 lớp			
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)					
4	...					
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	2 học sinh/bộ			
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	18	Số thiết bị/lớp			
1	Ti vi	15	1			
2	Cát xét	1	0.08			
3	Đầu Video/dầu đĩa	0	0.07			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	0.231			
5	Thiết bị khác (âm thanh)	3	0.231			
	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp					
XI	Nhà ăn					
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú					
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		1	30	0.07 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Tân Viên, ngày 31 tháng 05 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Văn Hải



Biểu mẫu 12

UBND HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG THCS TÂN VIÊN

THÔNG BÁO

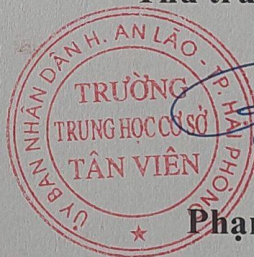
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, cuối năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30		1	26	1	0	2	5	20	1	9	15	2	0
I	Giáo viên	24			24	0	0	0	5	19	0	7	16	2	0
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	5			5				1	4		1	4		
2	Lý	1			1					1			1		
3	Hóa	1			1				1	0			1		
4	Sinh	1			1					1			1		
5	Văn	5			5					5		3	2		
6	Sử	1			1				1	0			1		
7	Địa	1			1					1			1		
8	Anh văn	2			2				1	1			2		
9	Công nghệ	1			1					1		1	0		
10	Thể dục	2			2					2			1	1	
11	Âm nhạc	1			1					1		1	0		
12	Mỹ thuật	1			1					1			1		
13	GDCD	1			1					1		1	0		
14	Tin học	1			1				1				1	1	
II	Cán bộ quản lý	2		1	1				0	1	1	2	0		
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			

2	Phó hiệu trưởng	1			1					1		1			
III	Nhân viên	4			1	1	0	2							
1	Nhân viên kế toán, văn thư	1			1										
2	Nhân viên thư viện, thủ quỹ	0													
3	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1									
4	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật														
5	Nhân viên công nghệ thông tin														
6	Nhân viên bảo vệ	2					0	2							
7	Nhân viên tạp vụ	0						0							

Tân Viên, ngày 31 tháng 05 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Văn Hải